

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYỀN QUANG



EVNHPC TUYEN QUANG

QUY ĐỊNH
PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ, CÔNG TRÌNH
(Mã số: QyĐ – 03 - 60)

(Kèm theo Quyết định số 202 /QĐ-TĐTQ ngày 24 tháng 02 năm 2017)

Tuyen Quang, tháng 02/2017

TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
**CÔNG TY THỦY ĐIỆN
TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 202/QĐ - TĐTQ

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định phân giao quản lý
thiết bị công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG

Căn cứ quyết định số 850/QĐ-EVN-HĐQT ngày 17/12/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Tuyên Quang;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Kỹ thuật An toàn an toàn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang.

(Bản Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông Phó Giám đốc, Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KTAT.

GIÁM ĐỐC



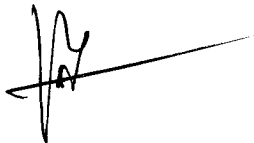
Dương Thanh Tuyên



 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 1/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN PHỐI:	SỐ LƯỢNG
1. Giám đốc	01
2. Phó giám đốc kỹ thuật sản xuất	01
3. Phó Giám đốc kỹ thuật sửa chữa	01
3. Các đơn vị trong Công ty	08
4. Lưu: VT, KTAT	02

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO: PHÒNG KỸ THUẬT

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI KIỂM TRA
Chữ ký:  Họ và tên: Mai Văn Dũng Chức vụ: CV Phòng KTAT	Chữ ký:  Họ và tên: Nguyễn Văn Luận Chức vụ: Phó phụ trách phòng KTAT

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT:

- Các đơn vị trong Công ty
- Các Phó Giám đốc.

NGƯỜI DUYỆT:  Họ và tên: Dương Thanh Tuyên Chức vụ: Giám đốc
--

TÓM TẮT SỬA ĐỔI

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
		Ban hành mới



 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 2/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Phần I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1- Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho công tác quản lý toàn bộ thiết bị công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang.

1.2- Đối tượng áp dụng

Các đơn vị, cá nhân liên quan được phân giao quản lý thiết bị công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang.

Điều 2. Định nghĩa

2.1- Quản lý khai thác sử dụng

Quản lý khai thác sử dụng là khai thác sử dụng thiết bị, công trình đảm bảo làm việc hiệu quả, an toàn, đúng công năng.

2.2- Quản lý kỹ thuật

Quản lý kỹ thuật là theo dõi, bảo dưỡng, sửa chữa phục hồi năng lực hoạt động của thiết bị, công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Chương I. NGUYÊN TẮC PHÂN GIAO QUẢN LÝ

Điều 3. Tất cả thiết bị, công trình của Công ty được phân giao cho các Phân xưởng, Phòng ban của Công ty quản lý để phục vụ sản xuất.

Điều 4. Trưởng các đơn vị là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc về quản lý khai thác có hiệu quả các thiết bị, công trình phù hợp với quy định của nhà chế tạo và các quy trình, quy định hiện hành.

Điều 5. Căn cứ chức năng nhiệm vụ và thiết bị, công trình được phân giao quản lý, các đơn vị tiếp tục phân giao cho nhân viên quản lý theo quy định.

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 3/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Chương II. NỘI DUNG PHÂN GIAO QUẢN LÝ

Điều 6. Nhiệm vụ của đơn vị quản lý khai thác sử dụng

6.1- Chủ trì

6.1.1- Khai thác sử dụng theo hướng dẫn của nhà chế tạo, thiết kế, quy chuẩn, quy định, quy trình đảm bảo sự an toàn, hiệu quả, nguyên vẹn của thiết bị, công trình.

6.1.2- Lập hồ sơ và cập nhật đầy đủ lý lịch thiết bị, công trình (*theo mẫu 01*).

6.1.3- Thực hiện kiểm tra thiết bị công trình theo quy định để phát hiện kịp thời các khiếm khuyết hư hỏng, lập sổ khiếm khuyết và cập nhật các khiếm khuyết hư hỏng.

6.1.4- Xử lý các khiếm khuyết hư hỏng nhỏ phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng như: Xiết tết chèn van, thay bóng chiếu sáng cháy...;

6.1.5- Công tác vệ sinh bên ngoài thiết bị (bao gồm tất cả các vị trí); Sàn, tường, trần các phòng (trừ các vị trí do đơn vị dịch vụ ngoài thực hiện). Tuỳ theo tình hình thực tế, vị trí thiết bị để bố trí tần suất thực hiện đảm bảo thiết bị, công trình luôn ở trạng thái sạch đẹp.

6.1.6- Theo dõi, ghi chép các thông số vận hành, cập nhật hồ sơ sửa chữa cải tạo thiết bị, công trình và đánh giá tình trạng làm việc của thiết bị công trình theo chuỗi thời gian quy định của nhà chế tạo, quy chuẩn.

6.1.7- Biên soạn các quy trình vận hành và xử lý sự cố thiết bị, công trình. Định kỳ, hiệu chỉnh các quy trình cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm khai thác, sửa chữa, vận hành các thiết bị, công trình an toàn kinh tế.

6.1.8- Chuẩn bị, đề xuất trang thiết bị dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ công tác khai thác sử dụng.

6.1.9- Xây dựng bảng thông số vận hành và cập nhật thông số vận hành vào phần mềm quản lý kỹ thuật; Cập nhật thông tin khiếm khuyết và xác nhận hoàn thành xử lý khiếm khuyết trong phần mềm quản lý kỹ thuật.

 EVNNPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 4/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

6.1.10- Với phân xưởng vận hành ngoài các nội dung trên còn cập nhật thông tin về thủy văn, sản lượng điện, thời gian vận hành khối tổ máy vào phần mềm quản lý kỹ thuật.

6.2- Tham gia

6.2.1- Tham gia đề xuất danh mục, hạng mục sửa chữa thiết bị, công trình.

6.2.2- Phối hợp thực hiện kế hoạch sửa chữa đã được duyệt với các đơn vị quản lý kỹ thuật.

6.2.3- Tham gia giám sát, nghiệm thu thiết bị, công trình sau sửa chữa, cải tạo theo phân cấp.

6.2.4- Công tác điều tra sự cố thiết bị, công trình.

Điều 7. Nhiệm vụ quản lý kỹ thuật

7.1- Chủ trì

7.1.1- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của nhà chế tạo, thiết kế, quy chuẩn, quy định, quy trình hiện hành.

7.1.2- Lập hồ sơ và cập nhật đầy đủ lý lịch thiết bị, công trình. Tạo lập hồ sơ quản lý kỹ thuật (*danh sách thiết bị, thông số, tài liệu kỹ thuật, lịch kiểm tra định kỳ, lịch thí nghiệm...*) các hệ thống thiết bị công trình được phân giao và cập nhật những thông tin thay đổi vào phần mềm quản lý kỹ thuật.

7.1.3- Vẽ các sơ đồ nguyên lý, sơ đồ thí nghiệm hiệu chỉnh, sửa chữa thiết bị, định kỳ kiểm tra hiệu chỉnh các sơ đồ phù hợp với thực tế, khi có thay đổi mới phải lập hồ sơ hoàn công và cập nhật lại để theo dõi phục vụ công tác quản lý kỹ thuật.

7.1.4- Biên soạn các quy trình sửa chữa thiết bị, công trình; định kỳ hiệu chỉnh các quy trình cho phù hợp với điều kiện thực tế.

7.1.5- Công tác sửa chữa lớn: Đề xuất danh mục, khảo sát, lập phương án sửa chữa lớn thiết bị công trình và thực hiện công tác sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh theo danh mục, phương án, lịch sửa chữa được phê duyệt. Lập hồ sơ nghiệm thu hoàn công, cập nhật kết quả sau khi thực hiện vào phần mềm quản lý kỹ thuật. Với công tác sửa chữa thuê ngoài thực hiện giám sát, nghiệm thu theo quy định.

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyD-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 5/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

7.1.6- Công tác xử lý sự cố, xử lý khiếm khuyết: Khắc phục kịp thời các sự cố phát sinh ảnh hưởng tới phương thức vận hành thiết bị công trình chính; Với các khiếm khuyết không ảnh hưởng tới phương thức vận hành thiết bị công trình chính thời gian khắc phục triệt để khiếm khuyết hoặc lập phương án xử lý khiếm khuyết tối đa không quá 07 ngày. Quản lý đơn vị phải ký xác nhận và phân công xử lý các khiếm khuyết ngay khi vận hành ghi sổ và cập nhật kết quả xử lý khiếm khuyết vào phần mềm quản lý kỹ thuật ngay sau khi đã xử lý xong.

7.1.7- Công tác kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, vệ sinh bên trong thiết bị. Kết quả thực hiện phải được lập thành bảng (mẫu 02.3) có ký xác nhận của đại diện đơn vị quản lý khai thác sử dụng và trưởng đơn vị quản lý kỹ thuật.

7.1.8- Thường xuyên bổ sung thông số thiết bị mau mòn hỏng, gioăng.... thu thập được quá trình quản lý sửa chữa.

7.1.9- Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, cải tiến, cải tạo nâng cấp thiết bị, công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, đề xuất thay thế các vật tư thiết bị đã lỗi thời, làm việc không tin cậy bằng các vật tư thiết bị của EU, G7.

7.2- Tham gia

7.2.1- Tham gia giám sát, thẩm tra các báo cáo, kết quả khảo sát đánh giá tình trạng thiết bị, phương án sửa chữa do đơn vị ngoài thực hiện.

7.2.2- Tham gia công tác điều tra sự cố thiết bị, công trình.

Điều 8. Hồ sơ quản lý kỹ thuật

8.1- Tài liệu

8.1.1- Tất cả bản vẽ thiết kế, hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt, catalog của nhà chế tạo, các hồ sơ hoàn công, thí nghiệm hiệu chỉnh....(Phần này có thể phô tô hoặc lập các danh sách đầu mục tài liệu để tiện tham khảo, tra cứu);

8.1.2- Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.

8.1.3- Các bản vẽ hệ thống thiết bị, sơ đồ nguyên lý, cấu tạo được người quản lý kỹ thuật vẽ (các bản vẽ này được vẽ khi tài liệu thiết kế không có), bản vẽ này phải được phòng Kỹ thuật an toàn thẩm tra, Phó Giám đốc kỹ thuật sửa chữa ký duyệt.

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 6/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

8.1.4- Các phần mềm, chương trình điều khiển của hệ thống thiết bị.

8.1.5- Hồ sơ sửa chữa lớn lần gần nhất.

8.2- Lịch kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị công trình định kỳ

Lập các nội dung công việc phải thực hiện trong kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị công trình định kỳ dựa trên hướng dẫn của nhà chế tạo, quy chuẩn quốc gia, quy định của Công ty (*lịch này lập theo mẫu 02.1 và được kẹp vào trang đầu của sổ lý lịch theo dõi thiết bị, công trình để tiện theo dõi*)

8.3- Lý lịch theo dõi thiết bị công trình (theo mẫu 02.2)

Phần thông số cơ bản ghi, cập nhật các những nội dung sau:

8.3.1- Ngoài việc nêu các thông số đặc trưng của hệ thống (*lấy theo quy trình vận hành và xử lý sự cố đã được phê duyệt*), còn ghi chi tiết số lượng, các thông số chi tiết của các cụm thiết bị, thiết bị như sau:

8.3.2- Đối với các thiết bị, vật tư có tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế thông dụng trên thị trường như: vòng bi, dây đai, dầu bôi trơn, bulông, đai ốc, công tắc tơ, áp tô mát, rơ le... thì chỉ cần ghi ký mã hiệu.

8.3.3- Đối với thiết bị, cụm thiết bị, chi tiết không thông dụng thì ghi: chủng loại, mã hiệu, thông số kỹ thuật trên thiết bị, kích thước bao, kích thước gá lắp đặt, vật liệu, độ chính xác, đầu mối ren lắp ghép, ký hiệu vận hành, các thông số đặc trưng của thiết bị đo đặc được (dòng điện, điện áp, điện trở).... Nếu không thể hiện hết được bằng viết, thì chỉ ghi các thông số cơ bản như kích thước bao, hình dáng, vị trí làm việc, lắp đặt... các thông số cụ thể khác được thể hiện trên bản vẽ chi tiết.

8.3.4- Chủng loại sơn, mã màu, diện tích sơn, quy định về tiêu chuẩn sơn đối với từng hệ thống.

Phần lý lịch thiết bị

8.3.5- Nội dung kiểm tra, sửa chữa: ghi các nội dung công việc chính thực tế đã thực hiện theo phương án trung tu, đại tu; Đối với công việc thực hiện trong kiểm tra, sửa chữa tiểu tu, xử lý khiếm khuyết, kiểm tra định kỳ ghi các nội dung công việc đã thực hiện, các thông số đo kiểm tra tương ứng.

Phần những lưu ý cho lần sửa chữa tiếp theo

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 7/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

8.3.6- Phần này ghi riêng thành một mục để tiện cho việc kiểm tra, tra cứu cho sửa chữa lần tiếp theo. Trong mục này ghi các thiết bị cần phải thay đến kỳ hoặc theo quy định của nhà chế tạo hoặc những thiết bị thường xuyên hỏng người quản lý đề nghị nâng cấp.

Các nội dung này ngoài việc ghi sổ Lý lịch theo dõi thiết bị công trình phải được cập nhật đồng bộ vào phần mềm quản lý kỹ thuật.

8.4- Quy định về hồ sơ quản lý kỹ thuật

8.4.1- Tất cả các lý lịch theo dõi thiết bị, công trình được đóng thành quyển có bìa cứng theo mẫu; Trong mỗi tập hồ sơ quản lý kỹ thuật phải có danh sách các tài liệu, hồ sơ.

8.4.2- Sau mỗi lần kiểm tra, sửa chữa đều phải cập nhật thông số, nội dung thực hiện vào sổ “lý lịch theo dõi thiết bị, công trình” và phần mềm quản lý kỹ thuật, thời gian cập nhật chậm nhất sau 05 ngày.

8.4.3- Quản lý đơn vị có trách nhiệm kiểm tra việc quản lý cập nhật sổ sách quản lý kỹ thuật và cập nhật trong phần mềm quản lý kỹ thuật, trong đó có kiểm tra về việc cập nhật nội dung thực hiện (*kiểm tra, bảo dưỡng và thông số kỹ thuật của thiết bị*); yêu cầu người quản lý kỹ thuật bổ sung những nội dung và thông số thiết bị còn thiếu vào hồ sơ quản lý kỹ thuật và phần mềm quản lý kỹ thuật.

8.4.4- Yêu cầu sau mỗi lần kiểm tra, người kiểm tra phải ký tên và xác nhận vào phần đã kiểm tra, công việc này được thực hiện chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày người quản lý kỹ thuật cập nhật.

8.4.5- Phân xưởng tập hợp hồ sơ quản lý kỹ thuật tại phân xưởng để các phòng chức năng kiểm tra vào cuối mỗi quý trong năm.

8.4.6- Phòng Kỹ thuật An toàn có trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu các đơn vị bổ sung hồ sơ tài liệu còn thiếu. Thành phần kiểm tra gồm cán bộ kỹ thuật chuyên môn của Phòng Kỹ thuật An toàn và đơn vị liên quan.

Phần II. PHÂN GIAO QUẢN LÝ

Điều 9. Phân giao quản lý khai thác sử dụng

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 8/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Stt	Nội dung phân giao	Ghi chú
I	Văn phòng	
1.1	Tất cả các thiết bị, công trình thuộc Trung tâm điều hành, khu nhà công vụ tại thành phố Tuyên Quang và thiết bị phòng cháy, chữa cháy; biển hiệu điện tử, nhà để xe ô tô và xe máy (<i>không bao gồm phòng thí nghiệm, hệ thống mạng, thông tin nội bộ</i>); thiết bị, công trình nhà điều hành ca tại Na Hang, nhà lớp học khu lắp máy; nhà chờ, đài tưởng niệm; trạm lọc nước sinh hoạt tại Tuyên quang và Na Hang.	
1.2	Các phương tiện vận chuyển (Xe ô tô, xe cầu, ca nô và nhà bảo quản ca nô, xe chữa cháy, xe nâng hàng 07 tấn)	
1.3	Hồ sơ đất đai của khu trung tâm điều hành sản xuất, nhà ở công vụ tại Tuyên Quang; Hồ sơ đất đai Công trình thủy điện Tuyên Quang, khu nhà làm việc tại Na Hang; Mốc chỉ giới cấp đất khu vực nhà máy.	
1.4	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	
II	Phòng Tổ chức & nhân sự	
2.1	Các công trình, thiết bị, công cụ hỗ trợ, dụng cụ phục vụ công tác bảo vệ; hệ thống PCCC kho vật tư; cổng, hàng rào bảo vệ nhà máy, kho vật tư.	
2.2	Hồ sơ pháp lý hoạt động của Công ty.	
2.3	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	
III	Phòng kế hoạch vật tư	
3.1	Công trình, thiết bị thuộc kho vật tư (<i>bao gồm hệ thống điều hoà, thông gió, chiếu sáng trong nhà....</i>)	
3.2	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	
IV	Phòng Kỹ thuật An toàn an toàn	
4.1	Hệ thống mạng LAN, máy chủ, hội nghị truyền hình, hệ thống viễn thông dùng riêng; camera trung tâm điều hành sản xuất, camera nhà quản lý vận hành tại Na Hang và kho vật tư, hệ thống camera cảnh báo lũ; trang Web; các phần mềm dùng chung (FMIS, QLKT, E-OFFICE); hệ thống thu thập giám sát thông số vận hành nhà máy; Hồ sơ mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập; Hồ sơ mốc chỉ giới lòng hồ.	
4.2	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	
V	Phân xưởng Vận hành	

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 9/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Stt	Nội dung phân giao	Ghi chú
5.1	Khởi tổ máy 1	
5.2	Khởi tổ máy 2	
5.3	Khởi tổ máy 3	
5.4	Hệ thống bơm chống ngập lụt nhà máy	
5.5	Hệ thống bơm nước rò rỉ	
5.6	Hệ thống bơm tháo cạn	
5.7	Hệ thống bơm thoát nước thải và nước sau cứu hỏa	
5.8	Hệ thống bơm nước rò rỉ nắp tuabin	
5.9	Hệ thống nước sinh hoạt	Bao gồm hệ thống cấp, thoát và xử lý nước thải
5.10	Hệ thống cấp nước tự chảy từ nhà máy ra trạm phân phối 220kV và kho Công ty.	Đến cụm van Dn50 cấp nước ra kho Công ty
5.11	Hệ thống thoát nước sau cứu hỏa máy biến áp	
5.12	Hệ thống cứu hỏa nhà máy	
5.13	Bơm kích van nắm, bơm kích tổ máy	
5.14	Hệ thống khí nén 6.3MPa	
5.15	Hệ thống khí nén 0.8MPa	
5.16	Hệ thống thông gió	Bao gồm nhà máy, TPP, đập tràn
5.17	Hệ thống điều hoà trong nhà máy, đập tràn, trạm phân phối, hệ thống hút ẩm trong nhà máy	
5.18	Hệ thống thiết bị DCS nhà máy, đập tràn, trạm phân phối	
5.19	Hệ thống thông tin liên lạc	Bao gồm nhà máy và TPP
5.20	Hệ thống truyền thanh, camera, cảnh báo lũ nhà máy, trạm phân phối	

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 10/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Stt	Nội dung phân giao	Ghi chú
5.21	Hệ thống tự động đo mức nước thượng hạ lưu	
5.22	Hệ thống SCADA	
5.23	Hệ thống đo đếm điện năng	
5.24	Hệ thống tự dừng 0.4kV nhà máy và đập tràn	
5.25	Máy phát diesel	
5.26	Hệ thống nạp ắc quy	
5.27	Hệ thống ắc quy	
5.28	Hệ thống UPS AC và DC	
5.29	Hệ thống chiếu sáng trong nhà và ngoài trời khu vực nhà máy và nhà điều hành ca.	
5.30	Bơm (xăng) tăng áp lực cho hệ thống cứu hỏa nhà máy	
5.31	Hệ thống tách nước lẫn dầu cao độ 76.2	
5.32	Trạm bơm cứu hỏa cho máy biến áp cao độ 76.2	
5.33	Máy biến áp dự phòng	
5.34	Hệ thống bơm thoát nước hành lang từ cao độ 64 lên 78	
5.35	Thang máy đập tràn	
5.36	Thang máy nhà máy	
5.37	Cửa cuốn nhà máy	
5.38	Hệ thống cửa xả mặt số 1, 2, 3, 4	
5.39	Hệ thống cửa xả đáy số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	
5.40	Ngăn lộ 271	
5.41	Ngăn lộ 272	
5.42	Ngăn lộ 200	
5.43	Xà C21, C22, C29	
5.44	Ngăn lộ 234, AT4	
5.45	Ngăn lộ 171, 134, xà C11	
5.46	Thiết bị 22kV-35kV	
5.47	Hệ thống tự dừng AC TPP	
5.48	Hệ thống nạp ắc quy TPP	
5.49	Hệ thống ắc quy TPP	
5.50	Hệ thống UPS AC và DC TPP	

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 11/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Stt	Nội dung phân giao	Ghi chú
5.51	Hệ thống báo cháy nhà máy và TPP	
5.52	Trạm bơm cứu hoả và hệ thống cấp nước chữa cháy TPP	
5.53	Toàn bộ các nhà, buồng, phòng trong nhà máy (<i>trừ khu vực xưởng cơ khí, phòng lọc dầu cao độ 67.8, kho dụng cụ thí nghiệm cao độ 59.2</i>); sân thượng lưu, hạ lưu cao độ 76.2; Nhà để xe	
5.54	Toàn bộ các buồng phòng, nhà, khu vực trạm phân phối, hệ thống nước sinh hoạt	
5.55	Phòng chứa thiết bị cửa nhận nước	
5.56	Phòng điều khiển trung tâm đập tràn và các buồng phòng trong đập tràn	
5.57	Các trang bị phòng cháy và chữa cháy (<i>nhà máy, trạm phân phối</i>)	
5.58	Công trình cảnh quan nhà máy	
5.59	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	
VI	Phân xưởng sửa chữa cơ khí thủy lực	
6.1	Hệ thống cánh phai sửa chữa, kho van: xả mặt, xả sâu, cửa nhận nước, hạ lưu; Nắp đập cửa van hạ lưu các tổ máy	
6.2	Thiết bị nâng chuyển nhẹ: Tời 1 tấn đập tràn ∇124; Tời 10 tấn đập tràn ∇95.35; Cầu trục 5 tấn ∇59.2; Cầu trục 3 tấn ∇54.3; Cầu trục 10 tấn ∇34.7	
6.3	Cầu trục chân dê đập tràn	
6.4	Cầu trục chân dê hạ lưu (bao gồm cả lan can an toàn hồ thả cánh sửa chữa phai hạ lưu)	
6.5	Cầu trục gian máy 2x250/80/10T	
6.6	Cầu trục chân dê cửa nhận nước (bao gồm cả lan can an toàn hồ thả cánh phai sửa chữa CNN)	
6.7	Bộ thiết bị thử tải cầu trục gian máy và bộ thiết bị thử tải cầu trục chân dê CNN, xả mặt, hạ lưu.	
6.8	Hệ thống thiết bị, buồng phòng xưởng cơ khí	
6.9	Hệ thống cấp dầu tua bin	
6.10	Các buồng phòng thuộc khu vực xưởng cơ khí	

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 12/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Stt	Nội dung phân giao	Ghi chú
6.11	Các dụng cụ cơ khí: Máy hàn, súng xiết bu lông, lò sấy...	
6.12	Hệ thống cấp nước phục vụ sửa chữa từ nhà máy lên đập.	
6.13	Kho dụng cụ tại 59.2	
	Phân xây dựng	
6.14	Đập bê tông trọng lực, đập phụ, đập tràn, kênh và dốc nước, đập đá đổ bản mặt bê tông (bao gồm cả các hành lang); Cầu trên đỉnh đập.	
6.15	Khu vực cảnh quan kiến trúc hạ lưu	
6.16	Khu vực lòng hồ	
6.17	Hệ thống báo hiệu an toàn giao thông đường thủy	
6.18	Hệ thống quan trắc	
6.19	Kho nồn khoan	
6.20	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng.	
VII	Phân xưởng sửa chữa điện tự động	
7.1	Các phòng thí nghiệm của Công ty (bao gồm cả thiết bị): Phòng thí nghiệm điện tại trung tâm điều hành Tuyên Quang (bao gồm cả thiết bị phòng Vilas), phòng thí nghiệm tại kho Công ty...	
7.2	Xe nâng người	
7.3	Kho dụng cụ cao trình 59.2	
7.4	Hệ thống cấp dầu máy biến áp	
7.5	Hệ thống tiếp địa Nhà máy, TPP và TTDH	
7.6	Thiết bị, tài sản được giao sử dụng	

Điều 10. Phân giao quản lý kỹ thuật

10.1- Văn phòng

- a- Các trang thiết bị như: Dấu, lưu trữ tài liệu, hồ sơ.
- b- Kho lưu trữ tài liệu, thư viện, nhà truyền thống.
- c- Phương tiện vận chuyển thủy bộ, xe chữa cháy, xe nâng hàng 07 tấn.
- d- Trang thiết bị, dụng cụ y tế, dụng cụ phòng tập thể hình.

 EVNHPC TUYÊN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 13/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

10.2- Phòng tổ chức & nhân sự

a- Các phương tiện dụng cụ, công cụ hỗ trợ được trang bị cho công tác an ninh quốc phòng và bảo vệ.

10.3- Phòng Kỹ thuật An toàn

a- Quản lý kỹ thuật chung công tác vận hành, sửa chữa thiết bị, công trình, hồ chứa toàn Công ty theo quy chuẩn Quốc gia, tiêu chuẩn nhà chế tạo.

b- Theo dõi việc quản lý các hồ sơ tài liệu, thông số vận hành công trình thiết bị chính. Phát hành các tài liệu kỹ thuật, tổ chức biên soạn, hiệu chỉnh quy trình và bản vẽ cho công tác vận hành, sửa chữa.

c- Quản lý kỹ thuật các phần mềm dùng chung, bảo mật an toàn dữ liệu và tài khoản truy cập máy chủ.

d- Quản lý các phần mềm bản gốc của các hệ thống điều khiển nhà máy.

đ- Định kỳ kiểm tra công tác quản lý kỹ thuật, công tác quản lý khai thác sử dụng của các đơn vị 01 lần/quý.

e- Lập phương thức vận hành, sửa chữa các công trình, thiết bị trình duyệt và tổ chức thực hiện. Tổng hợp, xây dựng chương trình tiến độ sửa chữa các thiết bị công trình.

f- Tổ chức giám sát, nghiệm thu sửa chữa tất cả các công trình, thiết bị trong Công ty và sửa chữa cho đơn vị ngoài; Tổ chức giám sát, nghiệm thu công trình sử dụng vốn đầu tư phát triển, đầu tư xây dựng theo phân cấp.

g- Chủ trì trong công tác quản lý công nghệ, xây dựng các chương trình kế hoạch lớn mang tính chất chiến lược về cải tạo, nâng cấp, đổi mới và hoàn thiện các thiết bị công nghệ. Tổ chức phong trào nghiên cứu khoa học và sáng kiến hợp lý hoá sản xuất và tổ chức thực hiện.

h- Quản lý theo dõi các trang thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn của Công ty.

i- Chủ trì công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ của Công ty.

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 14/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

k- Chủ trì thu thập số liệu, thông tin, điều tra phân tích sự cố, tai nạn lao động thuộc phạm vi nhà máy, lưu giữ các tài liệu này theo quy định.

10.4- Phòng Kế hoạch vật tư

a- Quản lý vật tư, thiết bị, dụng cụ, phương tiện trong các kho (*trừ kho nồn*).

10.5- Phân xưởng Vận hành

a- Quản lý các phương tiện phục vụ thao tác vận hành, sửa chữa: Các trang bị biển báo, rào chắn, dây tiếp địa di động. Chìa khoá các phòng, buồng đặt thiết bị vận hành của nhà máy. Các trang bị an toàn phòng hộ phục vụ thao tác (sào thao tác, thảm cách điện, ủng và găng tay cách điện v.v...), thay các bóng đèn trong hệ thống chiếu sáng nhà máy và trạm.

10.6- Phân xưởng Sửa chữa điện tự động

a- Thực hiện công tác sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh toàn bộ thiết bị, công trình được phân giao quản lý khai thác sử dụng.

b- Quản lý, thực hiện công tác sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị điện nhất thứ, nhị thứ, hệ thống quan trắc (*bao gồm cả phần mềm, trừ hệ thống quan trắc*).

c- Quản lý, thực hiện công tác sửa chữa, toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh, camera, hệ thống mạng LAN, máy chủ, hội nghị truyền hình, hệ thống thu thập giám sát thông số vận hành nhà máy.

d- Phân tích hoá nghiệm các loại dầu biến thế, dầu tua bin, dầu bôi trơn ...

đ- Thí nghiệm, kiểm tra định kỳ và đột xuất trang bị an toàn điện cho các đơn vị.

e- Quản lý kỹ thuật toàn bộ các trang bị văn phòng (*máy tính, máy in, photocopy, máy fax*) của các đơn vị trong Công ty.

f- Quản lý, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, tài sản khác của Công ty khi có yêu cầu.

g- Quản lý kỹ thuật thiết bị mạng, thông tin.

h- Hệ thống thang máy của Công ty

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 15/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

i- Kiểm tra định kỳ và sửa chữa máy biến áp dự phòng.

k- Các thiết bị thí nghiệm.

n- Quản lý sửa chữa hệ thống điều hòa Công ty.

10.7- Phân xưởng sửa chữa cơ khí thủy lực

a- Quản lý sửa chữa, thử nghiệm, hiệu chỉnh toàn bộ thiết bị, công trình được phân giao quản lý khai thác sử dụng.

b- Quản lý, sửa chữa, thử nghiệm, hiệu chỉnh toàn bộ các thiết bị phần cơ khí thuộc tài sản của Công ty.

c- Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, căn chỉnh toàn bộ kết cấu, cơ cấu cơ khí của các thiết bị điện - máy.

d- Quản lý, sửa chữa các máy gia công cắt gọt kim loại xưởng cơ khí gia công và các dụng cụ cơ khí. Thực hiện gia công chi tiết cơ khí cho phân xưởng và theo đặt hàng của các đơn vị khác.

đ- Quản lý sửa chữa tất cả các phần xây dựng: Các buồng, phòng, hành lang, cầu thang, các hầm thông gió, hầm thoát nước, hầm cáp, các hầm kiểm tra quan trắc công trình, các bể, hồ thu nước và hành lang gom nước của các trạm bơm v.v... ở các khu vực.

e- Quản lý sửa chữa nhà làm việc, các công trình phúc lợi, công trình kiến trúc cảnh quan nhà máy, kho bãi, nhà xưởng, gara ô tô, nhà bảo quản ca nô.

f- Quản lý sửa chữa hệ thống đường xá và hệ thống cấp thoát nước trong phạm vi quản lý Công ty.

g- Quản lý (phần mềm và công tác đánh giá số liệu) hệ thống quan trắc và thực hiện công tác quan trắc các công trình của nhà máy và hồ chứa.

h- Quản lý sửa chữa các công trình thủy công: Đê đập...

i- Quản lý hệ thống phao tiêu biển báo vùng cấm công trình thủy điện Tuyên Quang.

Phần III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Lập hồ sơ quản lý thiết bị công trình

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 16/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

Các đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và phân giao quản lý thiết bị công trình tại quy định này phải lập hồ sơ quản lý thiết bị như đã nêu trên. Đơn vị được phân giao quản lý khai thác sử dụng và quản lý kỹ thuật cùng một hệ thống thiết bị, công trình thì chỉ cần lập một sổ (mẫu 02). Hồ sơ đã lập theo mẫu trước đây được lưu lại để đảm bảo tính liên tục. Cập nhật đồng thời giữa hồ sơ giấy và phần mềm quản lý kỹ thuật trong công tác quản lý thiết bị công trình.1

Điều 12. Nội dung kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ

12.1- Trên cơ sở Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình với mỗi hệ thống tùy theo tính chất, đặc điểm các đơn vị đưa ra các nội dung công việc kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ cho phù hợp và chủ động bố trí thời gian để thực hiện, trong đó cần quy định chi tiết nội dung công việc, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện; lịch vệ sinh các thiết bị cao áp sẽ được Phòng Kỹ thuật an toàn bố trí trùng với các lịch cắt điện; các thiết bị liên quan đến hoạt động của tổ máy thì kết hợp kiểm tra vệ sinh khi ngừng máy.

12.2- Mỗi phân xưởng cử 01 An toàn vệ sinh viên cùng tham gia kiểm tra công tác vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị vào 20÷25 hàng tháng. Kết quả vệ sinh, theo dõi quản lý kỹ thuật và quản lý khai thác sử dụng sẽ là cơ sở đánh giá KPI tháng của các đơn vị.

12.3- Tất cả các lịch thực hiện công tác quản lý thiết bị công trình như lịch kiểm tra quản lý kỹ thuật, lịch vệ sinh thiết bị công trình... của các đơn vị phải được đăng ký vào lịch công tác tuần trong chương trình E-Office của Công ty để giám sát thực hiện.

Điều 13. Các thiết bị công trình khác

13.1- Ngay sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, các thiết bị công trình mới phải chuẩn bị đầy đủ quy trình vận hành và phải được phân giao quản lý bổ sung bằng văn bản, phòng Kỹ thuật an toàn đầu mỗi thực hiện.

13.2- Với các thiết bị công trình đang thi công chưa bàn giao, hoặc chưa được phân giao theo quy định này, theo chức năng nhiệm vụ trưởng đơn vị phân giao nhân viên quản lý kỹ thuật theo quy định.

Điều 14: Điều khoản thi hành

14.1- Phòng Kỹ thuật An toàn có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn

 EVNHPC TUYEN QUANG	CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG	Mã số: QyĐ-03-60	Lần sửa đổi: 02
	QUY ĐỊNH PHÂN GIAO QUẢN LÝ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH	Trang: 17/17	Ngày sửa đổi: 05/01/2017
			Ngày có hiệu lực: 25/02/2017

vị phải có văn bản gửi Phòng Kỹ thuật an toàn tổng hợp, trình Giám đốc xem xét quyết định.

14.2- Các Phó Giám đốc, các đơn vị thực hiện quy tốt quy định này sẽ được đề nghị xét khen thưởng, nếu thực hiện không tốt sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.

14.3- Quy định này thay thế cho Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình (mã số QyĐ 03-04) ban hành kèm theo quyết định số 1187/QĐ-TĐTQ ngày 20/10/2014; Thay thế cho Quy định kiểm tra, vệ sinh định kỳ thiết bị, công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang ban hành kèm theo quyết định số 844/QĐ-TĐTQ ngày 25/7/2014.

.....

PHỤ LỤC SỐ 1
MẪU SỔ LÝ LỊCH THEO DÕI THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC SỬ DỤNG)
*****000*****

Mẫu 1

SỔ LÝ LỊCH THEO DÕI THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG, (CÔNG TRÌNH):.....

HỒ SƠ QUẢN LÝ THIẾT BỊ, CÔNG TRÌNH

Tên thiết bị, công trình:

Đơn vị quản lý khai thác sử dụng:

Mẫu: 01

1. Các thông số cơ bản:

Stt	Tên hệ thống - thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1				
2				
3				

Lưu ý: Để dư ra một số trang kẻ sẵn để cập nhật thông số thiết bị công trình thu thập được trong quá trình kiểm tra, sửa chữa.

2. Lịch sử thiết bị:

TT	Nội dung kiểm tra, chữa sửa	Ngày đưa ra sửa chữa	Ngày đưa vào vận hành	Xác nhận của trưởng đơn vị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bảo dưỡng định kỳ xe	20/5/2016	26/5/2016	
	Thay dầu máy, số lượng 08 lít, loại dầu Castrol GTX 20w-50			
	- Thay lọc dầu, số lượng 01 cái, loại lọc...			

(Ghi chú: Mẫu 01 áp dụng cho các đơn vị quản lý khai thác sử dụng)

MẪU SỔ LÝ LỊCH THEO DÕI THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY THỦY ĐIỆN TUYÊN QUANG
(ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KỸ THUẬT)
*****000*****

Mẫu 02

SỔ LÝ LỊCH THEO DÕI THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG, (CÔNG TRÌNH):.....

LỊCH KIỂM TRA, VỆ SINH, BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

Hệ thống thiết bị, công trình:.....

Mẫu: 02.1

TT	Nội dung kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ	Thời gian, chu kỳ thực hiện	Ghi chú

NGƯỜI QUẢN LÝ KỸ THUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HỒ SƠ QUẢN LÝ KỸ THUẬT THIẾT BỊ, CÔNG TRÌNH

Tên thiết bị công trình:

Đơn vị quản lý kỹ thuật:

1. Các thông số cơ bản

Mẫu: 02.2

[illegible]

NGƯỜI QUẢN LÝ KỸ THUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Bảng theo dõi thay đổi/tăng giảm thiết bị

[illegible]

3. Lưu ý cho lần sữa chữa tiếp theo

[illegible]

4. Lí lịch thiết bị công trình

[illegible]

(Ghi chú: Mẫu 02 áp dụng cho các đơn vị quản lý kỹ thuật)

NỘI DUNG KIỂM TRA, VỆ SINH, BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ
Hệ thống thiết bị:.....

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật yêu cầu (theo tiêu chuẩn, quy định nhà chế tạo, quy chuẩn...)	Thông số trước kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng	Thông số sau kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng	Đánh giá	
					Đạt	K/đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Tồn tại, khiếm khuyết (nếu có).....
.....
.....

(Đánh giá chất lượng kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng, sửa chữa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn)

Nhân viên
Quản lý kỹ thuật

Nhân viên Vận hành/Quản
lý khai thác sử dụng

Trưởng đơn vị
QLKT

PHỤ LỤC SỐ 02
LỊCH KIỂM TRA, VỆ SINH, BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
1	Tổ máy H1, H2, H3						
1.1	Hệ thống dầu áp lực	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.2	Điều tốc cơ	02 lần/ tháng		01 lần/ca			
1.3	Điều tốc điện	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.4	Đo lường không điện	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.5	Hệ thống nước kỹ thuật	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.6	Hệ thống phanh, hút bụi phanh	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			VH thực hiện khi máy ngừng
1.7	Hệ thống sấy thanh cái, sấy máy phát	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.8	Hệ thống điều khiển DCS tổ máy	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.9	Hệ thống điều khiển DCS ngăn lộ	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.10	Hệ thống tự dừng AC/DC	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.11	Bảo cháy, cứu hỏa máy phát, MBA	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.12	Thiết bị sau máy phát 220kV	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.13	Thiết bị sau máy phát 13.8kV	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.14	Máy biến áp đầu cực	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.15	Thanh cái dẫn dòng	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.16	Hệ thống role bảo vệ	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.17	Cửa nhận nước	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.19	Hệ thống bù	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
1.20	Máy phát	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.21	Bộ làm mát máy phát	/	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.22	Moay ở máy phát	01 lần/ năm					
1.23	Hệ thống kích từ	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.24	Máy cắt đầu cực	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
	Bản thể tuabin						
1.25	Van phá chân không	01 lần/ năm	/				
1.26	Dầm chia (giá chữ thập)	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.27	Các ổ trục	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.28	Trục tuabin	01 lần/ năm					
1.29	Hệ thống cánh hướng	01 lần/ năm					
1.30	Hệ thống servomotor, vành điều chỉnh và chốt cánh hướng	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
1.31	Buồng xoắn, ống xả	01 lần/ năm					
1.32	Bộ chèn trục	02 lần/ tháng	/	1 lần/ca			
1.33	Bơm vét nước nắp tuabin	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	1 lần/ca			
1.34	Đường ống áp lực	01 lần/ năm					
1.35	Các van tháo cạn buồng xoắn ống xả	01 lần/ năm		01 lần/ca			
1.36	Bánh xe công tác	01 lần/ năm					
1.37	Vành đỡ trên, vành đỡ dưới buồng xoắn	01 lần/ năm					

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
2	Thiết bị đập tràn vận hành						
2.1	Hệ thống cửa xả mặt số 2, 4	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			Đơn vị QLKT tăng cường kiểm tra 02 lần/tháng vào mùa lũ
2.2	Hệ thống cửa xả mặt số 1, 3	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
2.3	Hệ thống cửa xả đáy số 1, 3, 5, 7	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
2.4	Hệ thống cửa xả đáy số 2, 4, 6, 8	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
3	Trạm phân phối 220kV						
3.1	Ngăn lộ 271	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Bao gồm các thiết bị từ dao cách ly 271-9, 271-1, 271-2 trở ra đường dây
3.2	Ngăn lộ 272	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Bao gồm các thiết bị từ dao cách ly 272-9, 272-1, 272-2 trở ra đường dây
3.3	Ngăn lộ 200	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Bao gồm các thiết bị 200-94, 200-9, 200-95, 200-1A, 200-14, 200-1B, 200-15, 200-24, 200-2, 200 và các thiết bị điều khiển, bảo vệ, đo lường liên quan
3.4	Xà C21, C22, C29	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Không bao gồm các dao tiếp địa, dao cách ly liên quan
3.5	Ngăn lộ 234, AT4	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
3.6	Ngăn lộ 171, 134, xà C11	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
3.7	Thiết bị 35kV - 22kV	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
4	Các thiết bị phụ trạm phân phối						
4.1	Hệ thống tự dùng AC	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			Tính từ sau TD35, TD34 đến hết các thiết bị trong tủ SDC
4.2	Hệ thống nạp ắc quy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
4.3	Hệ thống ắc quy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
4.4	Hệ thống UPS AC và DC	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
4.5	Trạm bơm cứu hoả và hệ thống cấp nước chữa cháy	02 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/ca			
4.6	Hệ thống báo cháy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
4.7	Hệ thống chiếu sáng trong nhà và ngoài trời	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
5	Hệ thống tự dùng Nhà máy						
5.1	Hệ thống tự dùng 0.4kV	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			Tính từ sau MBA TD33, TD91, TD92 đến hết các tủ DC, bao gồm cả máy cắt 403
5.2	Hệ thống máy phát diesel	01 lần/tháng	01 lần/tháng	01 lần/ca			Kết hợp kiểm tra cùng với thời gian chạy kiểm tra định kỳ
5.3	Hệ thống nạp ắc quy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
5.4	Hệ thống ắc quy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
5.5	Hệ thống UPS AC và DC	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
5.6	Hệ thống chiếu sáng nhà máy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
6	Hệ thống điều khiển, thông tin liên lạc, PCCC Nhà máy						
6.1	Hệ thống điều khiển giám sát (DCS) nhà máy	/	02 lần/tháng				Bao gồm cả DCS đập tràn
6.2	Hệ thống thông tin liên lạc, hạ tầng công nghệ thông tin, thị trường điện (bao gồm cả hệ thống công tơ đo đếm); Hệ thống thu thập giám sát thông số vận hành	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
6.3	Hệ thống báo cháy nhà máy	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
6.4	Bơm (xăng) tăng áp lực cho hệ thống cứu hỏa nhà máy	02 lần/ tháng		01 lần/ca			
7	Hệ thống khí nén						
7.1	Hệ thống khí nén 6.3MPa	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Hệ thống đường ống liên quan đến khí bù: tính đến hết van 1K12, 2K12, 3k12
7.2	Hệ thống khí nén 0.8MPa	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Hệ thống đường ống liên quan đến khí bù: tính đến hết van 1K14, 2K14, 3k14; Cấp khí cho MHY: tính đến hết các van 1K11, 2K11, 3k11
8	Các trạm bơm thoát nước nhà máy						
8.1	Hệ thống bơm chống ngập lụt nhà máy	01 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
8.2	Hệ thống bơm nước rò rỉ 34.7	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
8.3	Hệ thống bơm tháo cạn	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
	Hệ thống bơm thoát nước thải sinh hoạt	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
8.5	Hệ thống bơm nước rò rỉ nắp tuabin và bơm thoát nước sau cứu hỏa nhà máy 40.8	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	01 lần/ca			
8.6	Hệ thống nước sinh hoạt	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
8.7	Hệ thống thoát nước sau cứu hỏa máy biến áp	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng				
9	Các thiết bị phụ nhà máy						
9.1	Hệ thống điều hoà, hút ẩm	/	02 lần/ tháng	01 lần/ca			Bao gồm: Nhà máy, đập tràn, TPP và kho lắp máy
9.2	Hệ thống cấp dầu tua bin	02 lần/ tháng					CTL kiểm tra hành chính 1 tuần/lần
9.3	Hệ thống cấp dầu máy biến áp	/	02 lần/ tháng				ĐTD kiểm tra hành chính 1 tuần/lần
10	Hệ thống thiết bị phụ						
10.1	Hệ thống cứu hỏa nhà máy	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
10.2	Hệ thống tách nước lẫn dầu cao độ 76.2	01 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.3	Trạm bơm cứu hoả cho máy biến áp cao độ 76.2	02 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.4	Hệ thống camera giám sát	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.5	Hệ thống truyền thanh nhà máy	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.6	Hệ thống di động không dây nội bộ (VHF)	/	02 lần/tháng				
10.7	Hệ thống DCS trạm phân phối	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.8	Hệ thống loa cảnh báo xả lũ	01 lần/tháng	01 lần/tháng				Tăng cường kiểm tra trước, trong mùa mưa lũ
10.9	Hệ thống camera giám sát	/	02 lần/tháng	01 lần/ca			
10.10	Hệ thống tự động đo mức nước thượng hạ lưu		02 lần/tháng	01 lần/ca			
11	Các thiết bị phụ đập tràn						
11.1	Hệ thống điện tự dùng đập tràn		02 lần/tháng	01 lần/ca			
11.2	Hệ thống thông gió đập tràn và hành lang đập	02 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/tuần			
11.3	Hệ thống chiếu sáng đập tràn		02 lần/tháng	01 lần/tuần			
12	Hệ thống thông gió						
12.1	Hệ thống T1, T2, T3, T4, T7	02 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/ca			
12.2	Hệ thống H1, H2, H3, H5, H6, H7, H7', H8, H9, Hm, Ht	02 lần/tháng	02 lần/tháng	01 lần/ca			
13	Cầu trục chân dê cửa nhận nước	02 lần/tháng	02 lần/tháng				CTL kiểm tra hành chính 01 lần/tuần
14	Cầu trục chân dê đập tràn	02 lần/tháng	02 lần/tháng				
15	Cầu trục chân dê hạ lưu	02 lần/tháng	02 lần/tháng				
16	Cầu trục gian máy 2x250/80/10T	01 lần/tháng	01 lần/tháng				
17	Thiết bị nâng chuyển nhẹ						
17.1	Tời 1 tấn đập tràn V124	01 lần/3tháng	01 lần/3tháng				

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
17.2	Tời 10 tấn đập tràn V95.35	01 lần/ 3tháng	01 lần/ 3tháng				
17.3	Cầu trục 5 tấn V59.2	01 lần/ 3tháng	01 lần/ 3tháng				
17.4	Cầu trục 3 tấn V54.3	01 lần/ 3tháng	01 lần/ 3tháng				
17.5	Cầu trục 10 tấn V34.7	01 lần/ 3tháng	01 lần/ 3tháng				
18	Thang máy, cửa cuốn						
18.1	Thang máy nhà máy	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
18.2	Thang máy đập tràn	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
18.3	Thang máy trung tâm điều hành	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng		01 lần/tuần		
18.4	Cửa quán nhà máy	02 lần/ tháng	02 lần/ tháng	01 lần/ca			
18.5	Cửa công, bốt bảo của nhà máy, đỉnh đập và nhà điều hành ca Na Hang	01 lần/ tháng	01 lần/ tháng			1 lần/ca	
19	Hệ thống thiết bị quan trắc						
19.1	Hệ thống quan trắc tự động	/	01 lần/ tháng				CTL kiểm tra quản lý khai thác sử dụng 01 lần/tuần
19.2	Hệ thống quan trắc chuyển dịch các mốc mặt	01 lần/ tháng	/				
20	Đập đá đổ bản mặt bê tông	01 lần/ tháng	/				
21	Đập bê tông trọng lực	01 lần/ tháng	/				
22	Đập phụ	01 lần/ tháng	/				
23	Đập tràn, kênh và dốc nước	01 lần/ tháng	/				
24	Cầu trên đỉnh đập	01 lần/ tháng	/				
25	Đường giao thông nội bộ nhà máy	01 lần/ tháng	/				
26	Cửa lấy nước và đường ống áp lực	01 lần/ tháng	/				

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
27	Nhà máy	01 lần/ tháng	/				
28	Kênh xả + Kè hạ lưu	01 lần/ tháng	/				
29	Hệ thống báo hiệu an toàn giao thông đường thủy	01 lần/ tháng	/				CTL thực hiện kiểm tra định kỳ
30	Kiến trúc, cảnh quan công trình	01 lần/ tháng	/	01 lần/ tháng			
31	Mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập	01 lần/ 3tháng	/				
32	Mốc danh giới sử dụng đất nhà máy thủy điện Tuyên Quang	01 lần/ 3tháng	/		01 lần/ tháng		
33	Hồ chứa và mốc hành lang bảo vệ hồ chứa	01 lần/ 6 tháng	/		01 lần/ 6 tháng		
34	Hệ thống mốc quan trắc bồi lắng xói lở lòng hồ	01 lần/ 6 tháng	/		01 lần/ 6 tháng		
34.1	Các công trình kiến trúc khác: Hàng rào bảo vệ nhà máy, nhà lớp học tại tập thể lắp máy...	01 lần/ tháng	/		01 lần/ tháng	01 lần/ tháng	
35	Hệ thống thiết bị xưởng cơ khí						
35.1	Máy tiện CW6136x1500	01 lần/ tháng	/				
35.2	Máy tiện độ chính xác cao CA6140x1000	01 lần/ tháng	/				
35.3	Máy khoan đứng ZQ5035	01 lần/ tháng	/				
35.4	Máy khoan cần ZL3050	01 lần/ tháng	/				
35.5	Máy khoan bàn Z4120	01 lần/ tháng	/				
35.6	Máy mài hai đá M3030	01 lần/ tháng	/				
35.7	Máy sấy ZYHC-60	01 lần/ tháng	/				

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
35.8	Máy cắt và tiện ren ống Z3T-R3II	01 lần/tháng	/				
35.9	Máy uốn ống có đường kính 40mm	01 lần/tháng	/				
35.10	Kích thủy lực 8 tấn QLY - 8D	01 lần/tháng	/				
35.11	Máy ép bốn trục Y32 - 63	01 lần/tháng	/				
35.12	Máy đá cắt J3G-40	01 lần/tháng	/				
35.13	Máy hàn ZX5-50	01 lần/tháng	/				
35.14	Máy hàn một chiều BX1-630	01 lần/tháng	/				
35.15	Máy hàn tự động KH500	01 lần/tháng	/				
35.16	Tủ sấy que hàn DX - 2.3	01 lần/tháng	/				
33.17	Cầu trục lưu động 2 tấn	01 lần/tháng	/				
36	Phương tiện vận chuyển						
36.1	Xe tải ISUZU				02 lần/tuần		
36.2	Xe mercedes-benz SPRINTER-313CDI				02 lần/tuần		
36.3	Xe ô tô Ford Escape				02 lần/tuần		
36.4	Xe ô tô Toyota Landcruiser				02 lần/tuần		
36.5	Xe ô tô Huyndai County 22B-002.05				02 lần/tuần		
36.6	Xe ô tô Huyndai County 22B-002.33				02 lần/tuần		
36.7	Xe Fortuner				02 lần/tuần		
36.8	Xe bán tải Toyota Hilux				02 lần/tuần		

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
36.9	Xe ô tô tải có cần cẩu - nâng người làm việc trên cao hiệu HINO FG8JPSB-TV1/HIEPHOA-URV805				02 lần/tuần		
36.10	Ca nô kiểm tra lòng hồ				01 lần/tuần		
37	Thiết bị thí nghiệm hoá dầu						ĐTĐ kiểm tra quản lý khai thác sử dụng 01lần/tuần
37.1	Hợp bộ sắc ký khí ENEGY Support version2		01 lần/tháng				
37.2	Máy đo hàm lượng ẩm trong dầu Baur KFM 3000		01 lần/tháng				
37.3	Máy đếm cỡ hạt dầu HIAC 8011		01 lần/tháng				
37.4	Thiết bị thử điện áp đánh thủng của dầu đến 100kV Baur DTA 100C		01 lần/tháng				
37.5	Thiết bị đo độ nhớt động học tự động Cannon miniAV		01 lần/tháng				
37.6	Thiết bị đo nhiệt độ chớp cháy cốc hở TANAKA ACO-7		01 lần/tháng				
37.7	Thiết bị đo nhiệt độ chớp cháy cốc kín TANAKA APM-7		01 lần/tháng				
37.8	Máy đo độ ẩm khí SF6 Alpha Moisture		01 lần/tháng				
37.9	Thiết bị đo sức căng bề mặt hiển thị số ENERGY SUPPORT SIGMA 2000		01 lần/tháng				
37.10	Tủ sấy Cole-Parmer K-52200-02		01 lần/tháng				
37.11	Cân phân tích A&D GH200		01 lần/tháng				
37.12	Thiết bị đo độ bền ôxy hoá dầu Koehler K12190		01 lần/tháng				
37.13	Bình ổn nhiệt ISOTECH Jupiter 650		01 lần/tháng				
38	Thiết bị thí nghiệm cao áp, nhiệt						ĐTĐ kiểm tra quản lý khai thác sử dụng 01lần/tuần

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
38.1	Máy phát tần số		01 lần/ tháng				
38.2	Cầu đo điện trở 1 chiều		01 lần/ tháng				
38.3	Máy đo điện trở tiếp xúc		01 lần/ tháng				
38.4	Cầu đo tang Delta		01 lần/ tháng				
38.5	Hộp bộ tạo dòng		01 lần/ tháng				
38.6	Hộp bộ thử nghiệm rơ le số DRTS6		01 lần/ tháng				
38.7	Hộp bộ thử nghiệm rơ le cơ: T1000		01 lần/ tháng				
38.8	Thiết bị thử nghiệm MBA T2000		01 lần/ tháng				
38.9	Thiết bị đo tỷ số biến MBA		01 lần/ tháng				
38.10	Thiết bị thí nghiệm cao thế AC/DC		01 lần/ tháng				
38.11	Bộ thử áp lực GE Sensing PC6-IDOS		01 lần/ tháng				
38.12	Thiết bị dò tìm hỏng cáp ngầm trung thế		01 lần/ tháng				
38.13	Máy đo tổng hợp 3 pha		01 lần/ tháng				
38.14	Cầu đo điện trở tiếp địa loại tự khử nhiễu		01 lần/ tháng				
38.15	Máy chụp sóng máy cắt		01 lần/ tháng				
38.16	Máy đo dòng rò của các chống sét van loại oxit kẽm		01 lần/ tháng				
38.17	Máy đo góc lệch pha		01 lần/ tháng				
38.18	Máy biến áp khô 3 pha 5kVA		01 lần/ tháng				
38.19	Megôm kế 5000V		01 lần/ tháng				

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
38.20	Kwtt, var kế		01 lần/ tháng				
38.21	Máy hiện sóng nhiều kênh (dải tần 500MHZ)		01 lần/ tháng				
38.22	Thiết bị phát mV-mA		01 lần/ tháng				
38.23	Camera nhiệt		01 lần/ tháng				
39	Dụng cụ chuyên dùng						
39.1	Xe nâng hàng 07 tấn Komatsu				02 lần/ tuần		
39.2	Xe nâng sàn công tác (xe nâng người) Genie Z-34/22		02 lần/ tuần				
39.3	Xe chữa cháy				02 lần/ tuần		
39.4	Máy thủy chuẩn điện tử DNA03	01 lần/ tháng					
39.5	Máy toàn đạc điện tử TC2003 - Leica	01 lần/ tháng					
39.6	Máy đầm đất cầm tay	01 lần/ tháng					
39.7	Máy kiểm tra dung lượng ắc quy		01 lần/ tháng				
39.8	Máy khoan đế từ	01 lần/ tháng					
39.9	Ghế massage toàn thân Max 617				01 lần/ tháng		
39.10	Máy hàn TIG DC	01 lần/ tháng					
39.11	Máy hàn một chiều	01 lần/ tháng					
39.12	Máy khoan bàn	01 lần/ tháng					
39.13	Clê động lực chạy bằng khí nén		01 lần/ tháng				
39.14	Bơm nước Tomatsu				01 lần/ tháng		

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTD	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
39.15	Hình nhân thử hô hấp nhân tạo				01 lần/ tháng		
39.16	Máy photocopy MP 2590				02 lần/ tuần		
39.17	Máy photocopy Toshiba e-studio 356SE				02 lần/ tuần		
39.18	Máy nén khí di động DENAIR 300D	01 lần/ tháng					
39.19	Máy dò tìm khuyết tật siêu âm	01 lần/ tháng					
39.20	Bộ cảo vòng bi kiểu vấu SKF100H	01 lần/ tháng					
39.21	Máy chà sàn Công nghiệp Fiorentini			01 lần/ tháng			
39.22	Téc chứa dầu chuyên dụng 25m ³		01 lần/ 03 tháng				
39.23	Bộ sàn nâng người, vật liệu	01 lần/ tháng					
39.24	Thiết bị làm sạch bề mặt bằng phun nước áp lực cao	01 lần/ tháng					
39.25	Máy phun cát	01 lần/ tháng					
39.26	Máy khoan phá bê tông	01 lần/ tháng					
40	Hệ thống cánh phai sửa chữa						
40.1	Phai sửa chữa hạ lưu	01 lần/ /3tháng					
40.2	Phai sửa chữa cửa nhận nước	01 lần/ /3tháng					
40.3	Phai sửa chữa đập tràn vận hành	01 lần/ /3tháng					
40.4	Lưới chắn rác dự phòng cửa nhận nước	01 lần/ /3tháng					
41	Khu kho bãi lắp ráp liên hợp						

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
41.1	Kho số 1	01 lần/ tháng					KHVT kiểm tra quản lý khai thác sử dụng 01 lần/tuần
41.2	Kho số 2	01 lần/ tháng					
41.3	Kho số 3	01 lần/ tháng					
41.4	Kho số 4	01 lần/ tháng					Kho chứa nỡn khoan
41.5	Kho số 5	01 lần/ tháng					
41.6	Kho số 6	01 lần/ tháng					KHVT kiểm tra quản lý khai thác sử dụng 01 lần/tuần
41.7	Kho số 7	01 lần/ tháng					
41.8	Kho số 8	01 lần/ tháng					
41.9	Kho nỡn	01 lần/ tháng					
41.10	Nhà điều hành khu kho	01 lần/ tháng					
41.11	Nhà để phương tiện khu kho	01 lần/ tháng					
41.12	Cổng, hàng rào, nhà bảo vệ khu kho	01 lần/ tháng					
41.13	Sân, bãi và hệ thống thoát nước mặt khu kho	01 lần/ tháng					
41.14	Hệ thống điện		01 lần/ tháng				
41.15	Hệ thống nước	01 lần/ tháng					Bao gồm cả hệ thống cấp tự chảy từ trạm phân phối ra kho
41.16	Hệ thống chữa cháy	01 lần/ tháng				01 lần/ tuần	
42	Khu điều hành ca tại Na Hang						
42.1	Nhà QLVH ca tại Na Hang	01 lần/ tháng			01 lần/ tuần		

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
42.2	Khu nhà ở công vụ (5 nhà, CV1-CV5)	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
42.3	Hệ thống hàng rào, cổng, nhà để xe	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
42.4	Nhà khách	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
42.5	Nhà thể thao, sân bóng đá mini	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
42.6	Tổng đài 32 trung kế nhà QLVH ca tại Na Hang		01 lần/tháng				
42.7	Hệ thống điện		01 lần/tháng				
42.8	Hệ thống nước	01 lần/tháng			01 lần/tuần		Bao gồm cả hệ thống lọc nước
42.9	Hệ thống điều hòa		01 lần/tháng				
43	Khu trung tâm điều hành						
43.1	Nhà công vụ	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
43.2	Khu nhà ăn, nhà khách	01 lần/tháng			02 lần/tuần		Bao gồm cả sân nhà khách có mái che
43.3	Nhà sinh hoạt văn hoá	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
43.4	Nhà để xe ô tô, nhà để xe máy	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
43.5	Đường, vỉa hè, sân, khuôn viên	01 lần/tháng			01 lần/02 tuần		
43.6	Trung tâm thí nghiệm (nhà số 1)	01 lần/tháng	01 lần/tháng				
43.7	Trung tâm thí nghiệm (nhà số 2)	01 lần/tháng					
43.8	Trung tâm thí nghiệm (nhà số 3)	01 lần/tháng					
43.9	Nhà điều hành trung tâm (nhà 6 tầng)	01 lần/tháng			02 lần/ngày		

Stt	Danh mục/hạng mục	CKTL	ĐTĐ	VH	VP	TC&NS	Ghi chú
43.10	Tường rào, cổng của khu trung tâm điều hành và nhà công vụ	01 lần/tháng			01 lần/tuần		Bảo vệ kiểm tra cổng điện 01 ca/lần
43.11	Nhà thường trực nhà công vụ	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
43.12	Nhà thường trực nhà trung tâm điều hành	01 lần/tháng			01 lần/tuần		
43.13	Hệ thống điều hòa		01 lần/tháng		01 lần/tuần		
43.14	Hệ thống báo cháy		01 lần/tháng		01 lần/tuần		
43.15	Hệ thống chữa cháy	01 lần/tháng	01 lần/tháng		01 lần/tuần		
43.16	Hệ thống điện		01 lần/tháng		01 lần/tuần		Bao gồm cả biển hiệu
43.17	Hệ thống nước	01 lần/tháng			01 lần/tuần		Bao gồm cả hệ thống lọc nước



PHIẾU YÊU CẦU BAN HÀNH TÀI LIỆU NỘI BỘ

1. Yêu cầu

☒

Ban hành

☐

Sửa đổi

Tên tài liệu: Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang.

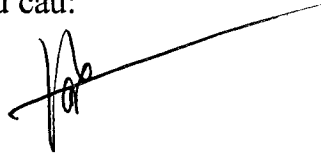
Mã số tài liệu: QyĐ - 03 - 60

Tóm tắt nội dung cần ban hành hoặc sửa đổi:

Ban hành mới Quy định phân giao quản lý thiết bị, công trình Công ty thủy điện Tuyên Quang.

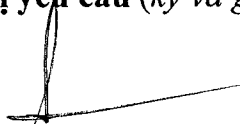
Ngày yêu cầu: 05/01/2017

Người yêu cầu:



Mai Văn Dũng

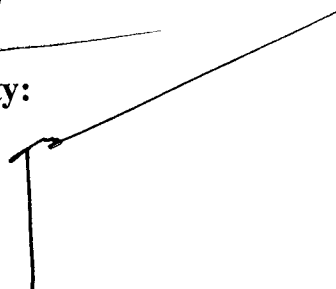
2. Ý kiến của Trưởng đơn vị yêu cầu (ký và ghi tên):



3. Ý kiến của Trưởng đơn vị được yêu cầu (đơn vị chủ trì soạn thảo)



4. Ý kiến của Lãnh đạo Công ty:



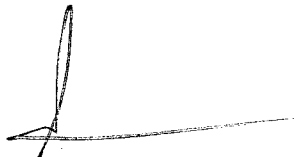
5. Phân công của Trưởng đơn vị:

Người được chỉ định viết hoặc sửa: Mai Văn Dũng.

Ngày cần hoàn thành: 25/02/2017

Người chịu trách nhiệm xem xét: Nguyễn Văn Luận.

PHÒNG KTAT:



Nguyễn Văn Luận

